

ĐỀ THI LÝ THUYẾT Y5 2020

Mã đề: 001

Thời gian 40 phút

1. Bệnh nhân hôn mê sau tai nạn giao thông, thở máy, kích thích đau nhắm mắt, đáp ứng đau không chính xác, có thang điểm Glasgow:

A. 5
B. 6
C. 7
D. 8
E. 9

2. Chỉ định chụp CT-Scan sọ não trong CTSN, chọn câu sai:

A. Bệnh nhân lơ mơ, nói nhảm
B. Chảy dịch trong ra mũi
C. Co giật sau chấn thương
D. Chảy máu mũi
E. Đau đầu nhiều và liên tục

Tình huống lâm sàng (câu 3 và 4):

Bệnh nhân nữ 24 tuổi nhập viện vì tai nạn giao thông. Khám: mê GCS=6 điểm, bóp bóng giúp thở qua nội khí quản; đồng tử bên trái 5 mm, PXAS (-); đồng tử phải 3 mm PXAS (+). Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg. Sưng nề vùng đỉnh chẩm trái. CTscan sọ não: máu tụ ngoài màng cứng cấp tính thể tích 40 cm³ thái dương-đỉnh trái, lệch đường giữa sang phải 10 mm, xóa bể dịch não tủy quanh thân não.

3. Phương pháp điều trị đúng nhất:

A. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
B. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ
C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

Bệnh nhân này được phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ. Sau mổ 4 giờ, thăm khám lại bệnh nhân ghi nhận: Bệnh nhân hôn mê, GCS=5 điểm. Đồng tử phải 5 mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử trái 3mm, còn phản xạ ánh sáng.

Mạch: 58 lần/phút, HA: 160/80 mmHg

4. Thái độ xử trí lúc này:

A. Tiếp tục điều trị chống phù não
B. Phẫu thuật lại
C. Chụp CT-Scan sọ não khẩn
D. Theo dõi, đánh giá lại sau 4 giờ nữa
E. Đặt hệ thống theo dõi áp lực nội sọ

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 5&6): Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=7 điểm, yếu 1/2 người trái, dẫn nhẹ đồng tử bên phải, sưng to vùng thái dương trái.

5. Chẩn đoán lâm sàng được nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này:

A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
B. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải
C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
D. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái
E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

6. Chỉ định cận lâm sàng hợp lý nhất trên bệnh nhân này:

A. CT-Scanner sọ não không cản quang.
B. MRI sọ não
C. XQ sọ
D. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang
E. Chụp mạch máu não (Angiography)
7. Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính do chấn thương sọ não, điều nào sau đây đúng:
A. Thường kèm theo dập não
B. Liên quan đến cơ chế chấn động dội
C. Nứt sọ là nguyên nhân thường gặp
D. Thường có máu trong DNT
E. Do đứt các tĩnh mạch liên lạc

Bệnh nhân nam 28 tuổi được đưa vào bệnh viện sau tai nạn giao thông. Khám: mê GCS=4 điểm, đã đặt nội khí quản và bóp bóng giúp thở, đồng tử hai bên 4 mm, phản xạ ánh sáng (-), mất phản xạ mắt búp bê. Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg. Sưng nề vùng chẩm 2 bên.

BN được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: dập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não.

8. Phương pháp điều trị đúng nhất:
- Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ trán hai bên lấy máu tụ và giải ép
 - Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
 - Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
 - Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
 - Phẫu thuật sau 24 giờ.

9. Sau một CTSN, có nước trong chảy ra từ mũi là do:

- Viêm xoang sau chấn thương
- ☒ Vỡ sàn sọ trước
- Vỡ xương thái dương
- Tắc lệ đạo sau chấn thương
- Viêm mũi

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 10):

Bệnh nhân nữ, 30 tuổi vào cấp cứu sau tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân lơ lơ, GCS=14 điểm, không dấu thần kinh khu trú, có vết thương da đầu khoảng 6cm ở vùng đỉnh trái phức tạp, thăm sát vết thương thấy có vỡ xương sọ bên dưới và một ít nhu mô não.

10. Chẩn đoán lâm sàng hợp lý trên bệnh nhân này:

- ☒ Vết thương sọ não
- Lỗ sọ hở
- Lỗ sọ kín
- Chưa đủ dữ kiện lâm sàng để chẩn đoán xác định

11. Điều trị vết thương sọ não, chọn câu đúng:

- Khâu vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà.
- Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não
- Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng
- Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần.
- ☒ Nhập viện, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não.

12. Trong những ngày đầu, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân vết thương sọ não:

- Abcess não
- ☒ Viêm màng não
- Nhiễm trùng huyết
- Viêm não thất
- Động kinh

13. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

- Khoảng 50% khối u ở não là u di căn
- ☒ Động kinh ở người trưởng thành luôn là triệu chứng của khối u não
- Việc điều trị u não hiện nay là sự kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị
- Khối u não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT-Scanner, MRI rộng rãi
- Hiện nay, tỉ lệ khối u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

Tình huống lâm sàng (câu 14&15): Bệnh nhân nam, 44 tuổi đến khám vì tê ½ người phải. Cách 3 tháng xuất hiện cơn co giật toàn thể, kéo dài khoảng 2 phút, mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê ½ người bên phải.

14. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

- Xuất huyết não
- U não
- Máu tụ dưới màng cứng mãn tính
- Túi phình mạch máu não
- Abscess não

15. Các cận lâm sàng cần làm để chẩn đoán trên bệnh nhân này (tối ưu nhất)

- Điện não đồ
- Điện não đồ+huyết thanh chẩn đoán ký sinh trùng
- MRI não có Gd
- CT-Scan não có cản quang và điện não đồ
- MRI não có Gd và điện não đồ

16. Theo thang điểm Glasgow, chấn thương sọ não được xem là nặng khi số điểm là, chọn câu đúng:

- 12-14
- 13-15
- 9-12
- ☒ 3-8
- 9-14

Tình huống lâm sàng :

Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau tai nạn giao thông. Khám: mê, GCS=7 điểm, yếu ½ người phải, dẫn đồng tử bên trái 5mm PXAS (-), sưng to vùng thái dương trái. CTscan: khối máu tụ ngoài màng cứng trán-thái dương trái khoảng 40 gram kèm lớp máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải bề dày < 1 mm, đường giữa di lệch sang phải 7mm, xẹp não thất bên trái.

17. Chỉ định điều trị đúng nhất:

- A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ
- D. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- E. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên trái và máu tụ dưới màng cứng bên phải

Bệnh cảnh lâm sàng (Câu 18- 20)

Bệnh nhân nam, 53 tuổi, bị TNGT không rõ cơ chế, sau tai nạn tình tảo, liệt hoàn toàn hai chân nên được đưa đến cấp cứu:

Khám: - Bệnh tình tảo, GCS=15, liệt hoàn toàn hai chân sức cơ 0/5, sức cơ gốc chi hai tay 5/5, yếu nhẹ động tác cầm nắm hai bàn tay, giảm cảm giác từ ngang vai trở xuống, tiểu qua sonde.

18. Vị trí tổn thương thần kinh tuỷ sống thường gặp trên bệnh nhân này là:

- A. Tuỷ sống ngực
- B. Tuỷ cổ cao
- C. Tuỷ cổ thấp
- D. Vùng chóp tuỷ
- E. Tất cả đều sai

19. Hình ảnh học nên được thực hiện đầu tiên tại cấp cứu:

- A. X Quang cột sống cổ thẳng, nghiêng.
- B. X quang cột sống cổ, ngực thẳng nghiêng.
- C. X quang cột sống ngực, thắt lưng thẳng nghiêng.
- D. X quang cột sống cổ thẳng nghiêng, tư thế há miệng.
- E. Tất cả đều sai.

20. Kết quả X quang cột sống cổ nghiêng chỉ thấy đến C5 C6 và X quang cột sống ngực, thắt lưng đều nằm trong giới hạn bình thường. Hình ảnh học cần thực hiện tiếp theo là gì?

- A. CT scan cột sống ngực
- B. CT scan cột sống cổ
- C. MRI cột sống ngực
- D. MRI cột sống cổ.
- E. Tất cả đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng (câu 21-23)

Bệnh nhân nam, 23 tuổi, bị té từ độ cao 5m chống hai gót chân khi tiếp đất, đau lưng nhiều và yếu 2 chân được sơ cứu tại bệnh viện huyện và chuyển lên tuyến trên. Khám: yếu hai chân sức cơ 2/5, tê bì từ ngang rốn trở xuống. Đã được đặt sonde tiểu do có cầu bàng quang.

21. Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất tại hiện trường, chọn câu sai:

- A. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa tới bệnh viện càng sớm càng tốt.
- B. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường.
- C. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân.
- D. Nên đặt hai túi cát ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.
- E. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.

22. Các thương tổn thường gặp ở bệnh nhân này là gì?

- A. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng.
- B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.
- C. Chấn thương tạng rỗng.
- D. A+ B đúng
- E. A+ C đúng.

23. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoảng:

- A. D 7
- B. D10
- C. L1
- D. L5
- E. Tất cả đều sai

24. Phân loại Frankel ở bệnh nhân này:

- A. A
- B. B
- C. C
- D. D
- E. E

25. Cận lâm sàng được thực hiện tại cấp cứu là gì?

- A. X- quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.
- B. CTscan cột sống ở vị trí thương tổn.
- C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn.
- D. A+ B đều đúng
- E. A + C đều đúng.

Bệnh cảnh lâm sàng tiếp theo: (câu 26-27)

Hình ảnh cận lâm sàng trên bệnh nhân này cho thấy có vỡ toàn bộ thân đốt sống và có mảnh rời chèn vào ống sống gây hẹp >50 % đường kính ống sống.

26. Theo phân loại của Denis đây là loại gãy gì?

- A. Gãy lún thân
- B. Gãy vỡ thân
- C. Gãy trật
- D. Gãy kiểu dây đai
- E. Tất cả câu trên đều sai.

27. Hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là gì?
 A. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội
 B. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống.
 C. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống và nẹp vis cố định cột sống.
 D. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu.
 E. Tất cả đều sai

Chọn một câu trả lời đúng nhất

28. Độ tuổi thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát:
 A. Trẻ em
 B. Người già
 C. Trưởng thành
 D. Trung niên xoay quanh 50 tuổi
29. Xác định vị trí giải phẫu xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Có máu trong khoang dưới nhện
 B. Có máu trong khoang dưới màng cứng
 C. Có máu trong các bể nền
 D. Có máu trong các rãnh võ não
30. Triệu chứng cơ năng có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Đau đầu dữ dội
 B. Cứng cổ
 C. Đau đầu khởi phát đột ngột và dữ dội
 D. Mất ý thức
31. Dấu hiệu thực thể có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Yếu nửa người
 B. Liệt các dây sọ
 C. Thay đổi tri giác
 D. Dấu cổ gượng
32. Bảng phân độ bệnh nhân xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị
 A. Tiên lượng bệnh nhân
 B. Giúp lựa chọn điều trị thích hợp
 C. Giúp theo dõi bệnh nhân tốt hơn
 D. Tiên lượng bệnh nhân và lên kế hoạch điều trị phù hợp
33. Nguyên nhân thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Do vỡ túi phình động mạch não
 B. Do tăng huyết áp
 C. Do vỡ dị dạng mạch máu não
 D. Do viêm thành mạch máu

34. Sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát gây hại cho bệnh nhân là
 A. Dẫn đến kết quả thiếu máu não
 B. Dẫn đến tăng áp lực nội sọ
 C. Dẫn đến giãn não thất
 D. Dẫn đến co mạch não
35. Xét nghiệm có giá trị xác định xuất huyết dưới nhện tự phát trong giai đoạn sớm
 A. CT scan sọ không cản quang
 B. CT scan sọ có cản quang
 C. MRI sọ não
 D. Chọc dò dịch não tủy
36. Xét nghiệm giúp chẩn đoán xuất huyết dưới nhện trong giai đoạn muộn
 A. Chọc dò dịch não tủy
 B. Chụp MRI sọ não
 C. Không có xét nghiệm có giá trị
 D. Câu A và B đều đúng
37. Xét nghiệm có giá trị chẩn đoán nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. CT tái tạo mạch máu não
 B. Chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền
 C. Chụp hình MRA
 D. Tất cả các xét nghiệm trên
38. Nguyên nhân tử vong chính trong giai đoạn sớm sau xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Tái xuất huyết
 B. Giãn não thất
 C. Co thắt mạch
 D. Nhồi máu não
39. Nguyên nhân chính gây tàn tật trong giai đoạn muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Co thắt mạch
 B. Rối loạn điện giải
 C. Giãn não thất
 D. Viêm phổi
40. Nguyên tắc điều trị túi phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Loại bỏ túi phình hoàn toàn và bền vững
 B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết
 C. Loại bỏ túi phình bằng can thiệp nội mạch
 D. Loại bỏ túi phình bằng phẫu thuật mở sọ kẹp túi phình
41. Điều trị nội khoa trong giai đoạn đầu sau xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Nhằm hạn chế nguy cơ tái vỡ
 B. Chống co thắt mạch
 C. Phòng ngừa động kinh
 D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu

42. Điều trị túi phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện
- Cần có sự phối hợp can thiệp nội mạch mạch và phẫu thuật thần kinh
 - Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn
 - Điều trị phẫu thuật được ưu tiên lựa chọn một số vị trí
 - ☒ D. Tất cả các câu đều đúng
43. Điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ túi phình được ưu tiên
- Tình trạng lâm sàng nặng
 - ☒ B. Không có khối choáng chỗ phối hợp
 - Túi phình tuần hoàn sau
 - Tất cả các yếu tố trên
44. Biến chứng muộn của xuất huyết dưới nhện
- Co thắt mạch
 - Giãn não thất muộn
 - Động kinh
 - ☒ D. Tất cả các câu trên
45. Những yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện
- Xuất huyết dưới nhện nhiều
 - Tình trạng lâm sàng nặng
 - ☒ C. Cả hai câu trên đều đúng
 - Hai câu trên đều đúng
46. Điều trị nội khoa trong co thắt mạch
- Nimodipine có vai trò trong phòng ngừa co thắt mạch
 - Nimodipine cải thiện tiên lượng thần kinh
 - Tăng truyền dịch
 - A và B đúng
47. Đau nước. Chọn câu sai:
- ☒ A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán
 - Gây dẫn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ
 - Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong
 - Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn
 - Câu B, C đúng
48. Bệnh đau nước trẻ em.
- Thường chỉ phát hiện được sau sanh
 - Không liên quan yếu tố di truyền
 - Đầu to là dấu hiệu đặc hiệu nhất
 - ☒ D. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian
 - Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả
49. Cơ chế bệnh đau nước. Chọn câu sai:
- Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT)
 - ☒ B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
 - Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
 - U đám rối mạch mạc thường gây đầu nước thông thương
 - Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối
50. Liên quan đến bệnh đau nước:
- Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm 3, 4 chiều
 - Yếu tố nguy cơ: mẹ bị tiểu đường, cao huyết áp, tiền sản giật ...
 - Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực
 - ☒ D. Cho đến ngày nay VP shunt vẫn là phương pháp điều trị phổ biến
 - Nên khuyến cáo chấm dứt sớm thai kì ngay khi phát hiện
51. Điều trị bệnh đau nước. Chọn câu sai:
- Tùy thuộc vào nguyên nhân
 - Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh
 - Phẫu thuật nội soi mở thông sàn não thất III rất hiệu quả trong bệnh đau nước tắc nghẽn
 - Điều trị nội khoa ít quan trọng
 - ☒ E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn
52. Đặc điểm thoát vị tủy - màng tủy. Chọn câu sai:
- Thường phát hiện rõ sau sanh từ 6 tháng tuổi
 - Gặp ở vùng thắt lưng - cùng
 - Có thể dò dịch não tủy
 - Có liên quan đến acid folic
 - Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp
53. Dị tật cột sống chẻ đôi:
- Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
 - Xảy ra từ tuần 13 - 15 phôi thai
 - Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào thành phần trong khối thoát vị
 - Câu A, B đúng
 - ☒ E. Câu A, C đúng
54. Dị tật cột sống chẻ đôi kín:
- Bao gồm: thoát vị tủy - màng tủy - mỡ, xoang bì, nang thần kinh - ruột ...
 - Thường phát hiện trễ hơn dị tật hở
 - Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng
 - Câu A, B đúng
 - ☒ E. Câu A, B, C đúng

55. Biểu hiện ngoài da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:

- A. Khối u mỡ trên đường giữa, cạnh giữa cột sống
- B. Rậm lông
- C. Ấn lõm hình đồng tiền
- D. Bướu máu
- ☒ E. Ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông

56. Tầm soát dị tật ống thần kinh:

- A. Thực hiện trong 3 tháng đầu thai kì
- B. Các xét nghiệm: siêu âm thai, AFP, chọc ối
- C. Luôn được khuyến cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
- D. Có thể bỏ sót 30 – 50% trường hợp
- E. Tất cả đúng

57. Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn:

- A. Thoát vị tủy – màng tủy hở
- B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dần mỏng, hoại tử
- C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
- D. Câu A, B đúng
- E. Cả 3 câu đều đúng

58. Tổn thương nguyên phát trong chấn thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Máu tụ trong não
- B. Phù não
- C. Thiếu máu não
- D. Tụt não
- ☒ E. Nứt sọ

59. Triệu chứng lâm sàng thường gặp của khối u não dưới lều, chọn câu đúng:

- A. Mất trí nhớ
- B. Co giật
- ☒ C. Dáng đi loạng choạng
- D. Yếu liệt
- C. Thờ ơ, ít tiếp xúc

60. Triệu chứng lâm sàng của tổn thương rễ thần kinh S1, chọn câu đúng:

- A. Đau mặt sau đùi, mặt sau cẳng chân
- B. Đau mặt trước đùi, mặt trước cẳng chân
- C. Đau mặt ngoài đùi, mặt ngoài cẳng chân
- D. Yếu động tác duỗi ngón cái
- E. Yếu động tác duỗi cẳng chân